

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-PT
Ngày 28-5-2021
V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do công trình xây dựng
khác gây ra

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp về bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng khác gây ra.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn T;

Địa chỉ cư trú: Số 62, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Việt H, Luật sư của Văn phòng luật sư V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Hữu A;

Địa chỉ cư trú: Số 61, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị E;

Địa chỉ cư trú: Số 62, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Trịnh Thị H;

Địa chỉ cư trú: Số 61, ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Hữu A - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lâm Văn T trình bày:

Ông có diện tích đất 300m² thuộc thửa số 139, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, trên đất có 01 căn nhà ông xây dựng năm 2011, giáp với nhà của ông là nhà của ông Đỗ Hữu A. Khi ông A sửa chữa căn nhà lại thành 01 trệt 04 lầu để nuôi chim yến đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhà của ông, làm cho nhà của ông gãy 01 cây kèo, nhiều tấm tol bị hư hỏng, tường bị xé, mái nhà bị nghiêng và nền nhà bị lún. Vì vậy, ngày 03-7-2019, ông có làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A phải bồi thường thiệt hại căn nhà cho ông tổng cộng là 200.000.000 đồng. Đến ngày 15-10-2020, ông có khởi kiện bổ sung yêu cầu thêm số tiền 36.550.000 đồng, tổng cộng là 236.550.000 đồng. Đến ngày 18-12-2020, ông có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung số tiền 36.550.000 đồng và tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông xin thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 88.784.740 đồng theo như kết quả giám định thiệt hại nhà của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Sóc Trăng và yêu cầu ông A phải trả lại cho ông chi phí trưng cầu giám định, thẩm định.

Theo bản tường trình ngày 27 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Hữu A trình bày:

Vào ngày 11-9-2018 (âm lịch), ông có tiến hành xây dựng nhà yến tọa lạc tại ấp N, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng căn nhà đã xây dựng xong. Do nhà của ông T xây dựng nhờ vào vách tường nhà của ông nên cấu trúc đơn giản, vật liệu chịu lực sơ xài, do đó khi nhà ông xây dựng thì nhà ông T bị nứt là bình thường. Nay ông T yêu cầu ông bồi thường số tiền theo như kết quả giám định thiệt hại nhà mà Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Sóc Trăng đã giám định là 88.784.740 đồng thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông T số tiền 80.000.000 đồng, còn chi phí giám định, thẩm định thì do ông T yêu cầu nên ông T tự chịu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị E trình bày:

Bà là vợ của ông T, căn nhà bị thiệt hại là tài sản chung của vợ chồng bà. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, không có ý kiến gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông A. Bà đồng ý cùng chồng bà hỗ trợ cho gia đình ông T số tiền 80.000.000 đồng nếu như hai bên thỏa thuận với nhau, còn không thỏa thuận được thì tùy Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 08/2021/DS-ST ngày 26-02-2021, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ Điều 5, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 584, Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn T. Buộc ông Đỗ Hữu A và bà Trịnh Thị H phải liên đới bồi thường cho ông Lâm Văn T và bà Phan Thị E số tiền 88.784.740 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lâm Văn T, bà Phan Thị E có đơn yêu cầu thi hành án thì ông Đỗ Hữu A và bà Trịnh Thị H phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, đến ngày 08-3-2021, bị đơn ông Đỗ Hữu A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng hủy bản án sơ thẩm, với lý do thực tế ông Lâm Văn T đã xây dựng nhà lấn chiếm qua phần đất của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lâm Văn T không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn ông Đỗ Hữu A thay đổi kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông hỗ trợ ông T 80.000.000 đồng, còn các chi phí khác thì ông không đồng ý và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng kháng cáo của ông A là không có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông A có lời khai ba lần thừa nhận đồng ý bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A cũng thừa nhận trước khi xây dựng, sửa chữa nhà của ông thì nhà ông T không bị ảnh hưởng, sau khi ông xây dựng, sửa chữa thì nhà ông T có bị ảnh hưởng và dẫn đến thiệt hại xảy ra. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Trong giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A thay đổi kháng cáo nhưng không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận xem xét. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông A là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông A và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị E, bà Trịnh Thị H: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, hai người này không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông A đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A thay đổi kháng cáo, không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chỉ yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông hỗ trợ ông T 80.000.000 đồng, còn các chi phí khác thì ông không đồng ý. Việc thay đổi kháng cáo của ông A không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét.

[4] Xét kháng cáo của ông A, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[5] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của ông T thì ông T cho rằng khi xây dựng, sửa chữa nhà, ông A đã gây thiệt hại, làm cho nhà của ông T bị hư hỏng nên yêu cầu ông A bồi thường thiệt hại. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về bồi thường thiệt hại do công trình xây dựng khác gây ra theo quy định tại điểm khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do xây dựng công trình gây ra” là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại cho phù hợp.

[6] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, nhà của ông T tọa lạc tại số 62, ấp N, xã V, còn nhà ông A tọa lạc tại số 61, ấp N, xã V. Nhà của ông T xây dựng vào năm 2011. Đến năm 2018, ông A sửa chữa, xây dựng nhà làm nhà yền,

trong quá trình xây dựng đã làm cho nhà của ông T bị nghiêng, nứt xé tường, nền lún cục bộ tại nhiều vị trí,... Ông A cũng thừa nhận trước khi ông sửa chữa, xây dựng nhà thì nhà của ông T bình thường; đến khi ông sửa chữa, xây dựng nhà, do nhà ông T xây dựng kết cấu dính vào nhà ông, nhờ vách tường nhà ông, cấu trúc đơn giản, vật liệu chịu lực sơ sài nên nhà ông T bị nứt là chuyện bình thường. Như vậy, có căn cứ xác định việc ông A xây dựng, sửa chữa nhà chính là nguyên nhân dẫn đến hậu quả làm nhà ông T bị hư hỏng. Theo bản kết quả giám định mức độ thiệt hại ngày 29-5-2020 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng thì dự toán chi phí khắc phục thiệt hại là 88.784.740 đồng. Vì vậy, Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 584 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc vợ chồng ông A và bà Trịnh Thị H liên đới bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông T và bà Phan Thị E với số tiền 88.784.740 đồng là đúng.

[7] Về chi phí giám định: Khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có quy định: *“Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ”*. Như vậy, ông T là người yêu cầu trưng cầu giám định và yêu cầu của ông T là có căn cứ cho nên ông A và bà H phải chịu chi phí giám định, còn ông T thì không phải chịu. Đồng thời, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng quy định: *“Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định không phải chịu chi phí giám định thì người phải chịu chi phí giám định theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định”*. Ông T đã nộp tạm ứng chi phí giám định 27.050.000 đồng nên Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông A liên đới hoàn trả cho ông T số tiền này là đúng quy định nêu trên.

[8] Ông A cho rằng ông T xây dựng nhà lấn chiếm qua đất của ông nên ông không đồng ý bồi thường mà chỉ đồng ý hỗ trợ 80.000.000 đồng, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nếu có việc lấn chiếm đất thì đây cũng là vụ việc khác, không phải là căn cứ để miễn trừ nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với ông. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông A và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[10] Như vậy, tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông A là người kháng cáo không được chấp nhận, ông cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 284, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584 và Điều 605 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Hữu A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn T. Buộc bị đơn ông Đỗ Hữu A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H cùng liên đới bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn ông Lâm Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị E số tiền 88.784.740 đồng (Tám mươi tám triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lâm Văn T và bà Phan Thị E thì hàng tháng, ông Đỗ Hữu A và bà Trịnh Thị H còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về chi phí giám định:

Buộc ông Đỗ Hữu A và bà Trịnh Thị H cùng liên đới hoàn trả cho ông Lâm Văn T số tiền 27.050.000 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Án phí sơ thẩm:

Ông Đỗ Hữu A và bà Trịnh Thị H phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.439.237 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

4. Án phí phúc thẩm:

Ông Đỗ Hữu A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và như vậy, ông đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TX. Vĩnh Châu;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TX. Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS TX. Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm